

Số: 56/QĐ-MNHT

Hoàng Tiến, ngày 29 tháng 02 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

#### Về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TTBTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc nhà nước năm 2023.

Xét đề nghị của Hội đồng trường Mầm non Hoàng Tiến.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai tới toàn thể cán bộ giáo viên và các bộ phận có liên quan số liệu dự toán về việc quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 của trường Mầm non Hoàng Tiến bằng hình thức niêm yết công khai tại bảng tin và trên trang tin điện tử (website) của nhà trường. (có biểu mẫu chi tiết đính kèm)

Thời gian niêm yết: 90 ngày kể từ ngày 01/03/2024 đến hết ngày 28/5/2024.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường Mầm non Hoàng Tiến và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- CBGV, NV nhà trường;
- Lưu: VT,



Ngô Thị Thanh

Đơn vị: **Trường Mầm non Hoàng Tiến**  
Chương: **622**

**Chương: 622**

**HOÀNG TIẾN / QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ- MNHT ngày 29/2/2024 của Trường Mầm non Hoàng Tiến)

ĐV tính: nghìn đồng

| Số TT      | Nội dung                                              | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                     | 3                               | 4                                  | 5=4-3      | 6                                                                                   |
| <b>A</b>   | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>989.057</b>                  | <b>989.057</b>                     |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             | <b>989.057</b>                  | <b>989.057</b>                     |            |                                                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Phí                                                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề           | 411.598                         | 411.598                            |            |                                                                                     |
| 2          | Chi quản lý hành chính                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>          |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>B</b>   | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>3.842</b>                    | <b>3.842</b>                       |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                     | <b>3.842</b>                    | <b>3.842</b>                       |            |                                                                                     |
| 1          | Chi quản lý hành chính                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 3          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề           | 3.494                           | 3.494                              |            |                                                                                     |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        | 2.939                           | 2.939                              |            |                                                                                     |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  | 556                             | 556                                |            |                                                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                        |                                 |                                    |            |                                                                                     |

Trong thời gian công khai từ ngày 01/03/2024 đến ngày 28/5/2024 nếu có ý kiến gì xin liên hệ với các đ/c: Ngô Thị Thanh - SĐT: 0912.128.633 hoặc đ/c Lương Thị Dung - SĐT: 0985.360.560 hoặc đ/c Nguyễn Thị Dung - SĐT: 0399.662.519 hoặc gửi thư về nhà trường qua đường bưu điện hoặc qua mail: mamnonhoangtien2018@gmail.com